

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **226/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/7/2018

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Hội liên hiệp phụ nữ TP.Biên Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường 06 - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 640/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bích X**, sinh năm 1974

Địa chỉ: 380/46, Kp.02, P.Thống Nhất, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

2. *Bị đơn:* Ông **Mai Đăng Y**, sinh năm 1973

Địa chỉ: 380/46, Kp.02, P.Thống Nhất, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(chị X, anh Y có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích X trình bày: Năm 2004, chị cùng anh Mai Đăng Y tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ngày 28/01/2004, UBND xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14, quyển số 06/2004 cho vợ chồng anh chị. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2013 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Anh Y thường hay ghen tuông vô cớ và có tính gia trưởng, thường xuyên nhậu nhẹt, kiếm chuyện gây sự. Bản thân chị đã cố gắng hàn gắn đoàn tụ nhưng

không có kết quả. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Y, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Y.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Mai Đăng Khoa, sinh ngày 21/5/2013, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khoa, không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn để các bên tự thỏa thuận, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, bị đơn anh Mai Đăng Y trình bày: Năm 2014, anh cùng chị Nguyễn Thị Bích X tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai. Ngày 28/01/2004, UBND xã Hiệp Hòa cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14, quyền số 06/2004, cho vợ chồng anh chị. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường, đôi lúc cũng có mâu thuẫn, đôi khi anh cũng có uống rượu và vợ chồng cãi nhau. Anh có xin lỗi và được chị X bỏ qua. Nay chị X cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý nhưng với điều kiện phải để con chung là Mai Đăng Khoa, sinh ngày 21/5/2013 trên 07 tuổi.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn:

Về con chung anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn để các bên tự thỏa thuận, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

- Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:
 - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích X khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Đăng Y đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định chị X là nguyên đơn, anh Y là bị đơn trong vụ án.
 - Chị Phương, anh Y có sổ hộ khẩu tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn chị X, anh Y có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 01 khoản 02 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

3. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích X và anh Mai Đăng Y tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14, quyền số 06/2004, ngày 28/01/2004 nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị X xác định chị không còn tình cảm với anh Y và cương quyết ly hôn với anh Y. Theo biên bản xác minh ngày 10/7/2018, địa phương nơi chị X anh Y thường trú không xác định được việc mâu thuẫn giữa chị X và anh Y có hay không. Tuy nhiên, anh Y cũng xác định vợ chồng anh có mâu thuẫn và có cãi nhau, khi chị X cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý với điều kiện con chung trên 07 tuổi. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị X và anh Y có mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Y là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: chị X và anh Y có 01 con chung là Mai Đăng Khoa, sinh ngày 21/5/2013, cả chị X và anh Y đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu Khoa cùng sống với chị X và anh Y, tuy nhiên về điều kiện kinh tế thì chị X có thu nhập ổn định, anh Y không có thu nhập nên giao cháu Khoa cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của trẻ. Do đó, yêu cầu của chị X về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có cơ sở chấp nhận.

- Về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận; nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có nên các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích X đối với bị đơn anh Mai Đăng Y về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

Chị Nguyễn Thị Bích X, sinh năm 1974 được ly hôn với anh Mai Đăng Y, sinh năm 1973

Giao con chung là Mai Đăng Khoa, sinh ngày 21/5/2013 cho chị Nguyễn Thị Bích X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Mai Đăng Y được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn các bên tự thỏa thuận; nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 007167 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Chị X, anh Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa
- UBND X. Hiệp Hòa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Minh Nhựt